

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
PORTSERCO**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 14 /CBTT

V/v: "Công bố thông tin BCTC Quý I-2023"

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS PORTSERCO.**
2. Mã chứng khoán: **PRC**
3. Địa chỉ trụ sở chính: **SỐ 59 Ba Đình, P Thạch Thang, Hải Châu, TP Đà Nẵng**
4. Điện thoại: **0236-3894717** Fax: **0236-3863736.**
5. Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN LÊ MINH**

6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính Quý I Năm 2023 của Công ty CP Logistics Portserco được lập ngày 18 tháng 4 năm 2023 (toàn văn Báo Cáo Tài Chính Quý I Năm 2023).

6.2 Nội dung giải trình (chênh lệch 10% LNST so với cùng kỳ năm ngoái):

Lợi nhuận sau thuế quý I năm 2023 tăng so với cùng kỳ năm ngoái là do chi phí lãi vay và chi phí bán hàng giảm đáng kể mặc dù chi phí quản lý có tăng nhưng lợi nhuận từ hoạt động kinh đã có lãi.

6.3 Nội dung giải trình (LNST lãi/lỗ so với cùng kỳ năm ngoái):

Quý I năm 2023 của Công ty bắt đầu có lãi trở lại so với cùng kỳ năm ngoái là do giá nhiên liệu biến động không nhiều; Bên cạnh đó chi phí lãi vay và chi phí bán hàng giảm mặc dù chi phí quản lý tăng nhưng không nhiều dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đã có lãi nhẹ (Quý I năm 2022 lỗ).

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ nội dung công bố thông tin:

<http://www.portserco.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu

Ngày 18 tháng 4 năm 2023.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lê Minh

Số: 14/CBTT

Kính gửi: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Logistics Portserco thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý I/2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà nội như sau:



1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS PORTSERCO

- Mã chứng khoán: **PRC**
- Địa chỉ: 59 Ba Đình, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
- Điện thoại liên hệ: 0236 3894717 Fax: 0236 3863736
- Email: portserco@portserco.com Website: portserco.com

2. Nội dung công bố thông tin

- BCTC quý I/2023 theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC:

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022)

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022)

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/4/2023 tại đường dẫn: <http://portserco.com/documents/bao-cao-thuong-nien-3>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Quý I/2023
- Văn bản công bố thông tin



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Lê Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS PORTSERCO

-----***-----



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 1 NĂM 2023



Đà Nẵng, ngày 18 tháng 04 năm 2023

-----***-----

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ 1 NĂM 2023

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		74,094,102,619	81,802,467,981
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		31,076,363,153	41,725,599,465
1. Tiền	111	5	1,076,363,153	1,725,599,465
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	30,000,000,000	40,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16,000,000,000	16,000,000,000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16,000,000,000	16,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	22,934,595,485	19,677,790,491
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	23,618,980,992	20,817,035,691
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	385,385,876	71,464,400
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1,279,382,445	1,138,444,228
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(2,349,153,828)	(2,349,153,828)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		3,578,293,406	4,206,263,838
1. Hàng tồn kho	141	12	3,578,293,406	4,206,263,838
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		504,850,575	192,814,187
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	504,850,575	191,481,706
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1,332,481
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23,390,108,232	23,986,507,376
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		10,783,037,691	11,375,975,343
1. Tài sản cố định hữu hình	221		4,162,706,555	4,627,578,184
- Nguyên giá	222	14	25,445,874,897	25,445,874,897
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	14	(21,283,168,342)	(20,818,296,713)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		3,100,131,136	3,228,197,159
- Nguyên giá	225	14	3,868,527,273	3,868,527,273
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	14	(768,396,137)	(640,330,114)
3. Tài sản cố định vô hình	227		3,520,200,000	3,520,200,000
- Nguyên giá	228	15	3,520,200,000	3,520,200,000
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11,219,784,630	11,219,784,630
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	11,219,784,630	11,219,784,630
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		66,000,000	66,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	66,000,000	66,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,321,285,911	1,324,747,403
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,321,285,911	1,324,747,403
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		97,484,210,851	105,788,975,357
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		62,566,193,724	28,390,107,469
I. Nợ ngắn hạn	310		55,202,131,330	20,990,153,255
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	6,169,751,539	3,834,057,892
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	175,299,400	19,770,000
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	20	1,120,212,816	13,709,717,522
4. Phải trả người lao động	314		955,848,565	1,096,495,130
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	2,192,869,798	1,145,354,991
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	402,006,666	301,112,576
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	42,099,888,665	107,783,379
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24a	1,981,959,396	671,567,280

